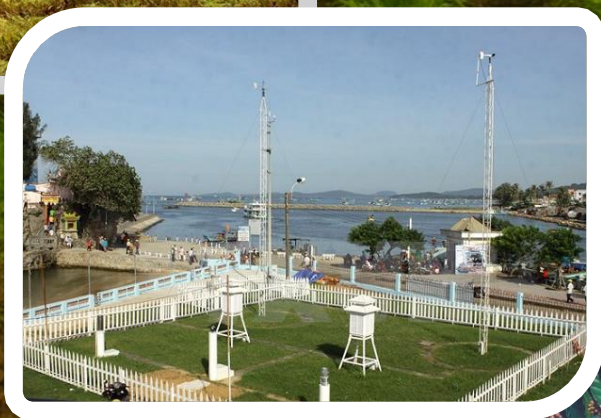




VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU  
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP

# THÔNG BÁO VÀ DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP SỐ THÁNG 9 NĂM 2025



## MỤC LỤC

|                                                                                                  |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| MỤC LỤC .....                                                                                    | 1  |
| DANH MỤC VIẾT TẮT .....                                                                          | 2  |
| GIỚI THIỆU .....                                                                                 | 3  |
| PHẦN I.....                                                                                      | 4  |
| ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP VÀ CÂY TRỒNG .....                                               | 4  |
| TỪ NGÀY 1 ĐẾN NGÀY 20 THÁNG 9 NĂM 2025 .....                                                     | 4  |
| 1.1. Điều kiện khí tượng nông nghiệp.....                                                        | 4  |
| 1.2. Sinh trưởng và sâu bệnh hại đối với một số cây trồng.....                                   | 6  |
| 1.3. Ảnh hưởng của điều kiện khí tượng.....                                                      | 8  |
| PHẦN II. ....                                                                                    | 11 |
| DỰ BÁO ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP TỪ THÁNG 10 ĐẾN THÁNG 12<br>NĂM 2025.....                 | 11 |
| 2.1. Xu thế khí hậu từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2025.....                                       | 11 |
| 2.2. Rủi ro khí hậu đến từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2025 .....                                  | 12 |
| 2.2.1. Rủi ro đối với cây trồng.....                                                             | 12 |
| 2.2.2. Rủi ro đối với vật nuôi.....                                                              | 16 |
| PHẦN III. ....                                                                                   | 19 |
| KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG<br>THÁNG 10 ĐẾN THÁNG 12 NĂM 2025 ..... | 19 |

### **DANH MỤC VIẾT TẮT**

| <b>CHỮ VIẾT TẮT</b> | <b>Ý NGHĨA</b>                                |
|---------------------|-----------------------------------------------|
| BTB                 | Bắc Trung Bộ                                  |
| DHNTB               | Duyên hải Nam Trung Bộ                        |
| ĐBSH                | Đồng bằng sông Hồng                           |
| ĐBSCL               | Đồng bằng sông Cửu Long                       |
| ĐNB                 | Đông Nam Bộ                                   |
| ENSO                | Dao động Nam (El Niño-Southern Oscillation)   |
| KTNN                | Khí tượng nông nghiệp                         |
| NB                  | Nam Bộ                                        |
| TN                  | Tây Nguyên                                    |
| Rx1day              | Lượng mưa một ngày lớn nhất                   |
| SXNN                | Sản xuất nông nghiệp                          |
| SGN                 | Số giờ nắng                                   |
| SNM                 | Số ngày mưa                                   |
| STNN                | Sinh thái nông nghiệp                         |
| SVGH                | Sinh vật gây hại                              |
| TBNN                | Trung bình nhiều năm                          |
| TDMNPB              | Trung du và miền núi phía Bắc                 |
| THI                 | Chỉ số nhiệt- ẩm (Temperature humidity index) |
| TLM                 | Tổng lượng mưa                                |
| Tx                  | Nhiệt độ tối cao                              |
| Tm                  | Nhiệt độ tối thấp                             |
| XTNĐ                | Xoáy thuận nhiệt đới                          |

## GIỚI THIỆU

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng Nông nghiệp – Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu định kỳ xuất bản bản tin **“Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp”** hàng tháng, nhằm cung cấp thông tin cập nhật và hỗ trợ kịp thời cho sản xuất nông nghiệp trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp

Bản tin được xây dựng trên cơ sở tổng hợp và phân tích số liệu từ các nguồn dữ liệu, tài liệu chuyên ngành:

- Dữ liệu quan trắc khí tượng nông nghiệp từ mạng lưới trạm khí tượng trên toàn quốc do Cục Khí tượng Thủy văn cung cấp;
- Thông tin về sinh trưởng cây trồng, tình hình sâu bệnh và sản xuất nông nghiệp từ Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Các kết quả phân tích, dự báo khí hậu từ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu.

Bản tin tháng 9/2025 gồm ba phần chính:

- Phần I – Điều kiện khí tượng nông nghiệp và cây trồng từ ngày 1 đến ngày 20 tháng 9 năm 2025.
- Phần II – Dự báo điều kiện khí tượng nông nghiệp và rủi ro đến sản xuất nông nghiệp từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2025.
- Phần III – Khuyến nghị sản xuất nông nghiệp từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2025.

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng Nông nghiệp trân trọng giới thiệu bản tin tháng 10/2025, với kỳ vọng hỗ trợ hiệu quả cho công tác chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, nâng cao năng lực thích ứng và giảm thiểu rủi ro thiên tai trong lĩnh vực nông nghiệp.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH  
TRUNG TÂM  
NGHIÊN CỨU  
KHÍ TƯỢNG  
NÔNG NGHIỆP



Nguyễn Đăng Mậu

## PHẦN I.

### ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP VÀ CÂY TRỒNG TỪ NGÀY 1 ĐẾN NGÀY 20 THÁNG 9 NĂM 2025

#### 1.1. Điều kiện khí tượng nông nghiệp

Từ ngày 1 đến ngày 20 tháng 9 năm 2025, thời tiết trên cả nước có nhiều biến động ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp:

- Nhiệt độ: tuần 1 tháng 9 nền nhiệt dao động phổ biến từ 24,0<sup>0</sup>C đến 30,0<sup>0</sup>C, sang tuần 2 tháng 9, hầu hết các khu vực trên cả nước có nền nhiệt giảm từ 0,1<sup>0</sup>C – 1,5<sup>0</sup>C, đặc biệt khu vực từ TDMNPB, nền nhiệt giảm từ 0,46<sup>0</sup>C – 1,5<sup>0</sup>C.

- Lượng mưa: Lượng mưa tuần 1 tháng 9 phân bố không đều trên phạm vi cả nước, khu vực TDMNPB lượng mưa nhiều tập chung tại một số trạm Mường Tè, Lai Châu, Tam Đường với lượng mưa từ 108,2 -179,1mm. Khu vực ĐBSH lượng mưa phổ biến từ 10-60mm, ngoài trừ Ninh Bình có lượng mưa tương đối lớn (180mm). Khu vực Trung Bộ có lượng mưa phổ biến dưới 50mm, đặc biệt có những vùng cả tuần không có mưa Hà Tĩnh, Vinh, Con Cuông. Khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ lượng mưa dao động phổ biến từ 80mm – 200mm một số khu vực có lượng mưa lớn như MĐrắc (276,1mm), Đà Lạt (270,8mm) và Đắk Nông (221,7mm). Sang tuần 2 tháng 9, lượng mưa có xu hướng tăng lên và phân bố đều hầu hết trên phạm vi cả nước, chỉ riêng có khu vực Tây Nguyên lượng có xu hướng giảm nhẹ so với tuần 1.

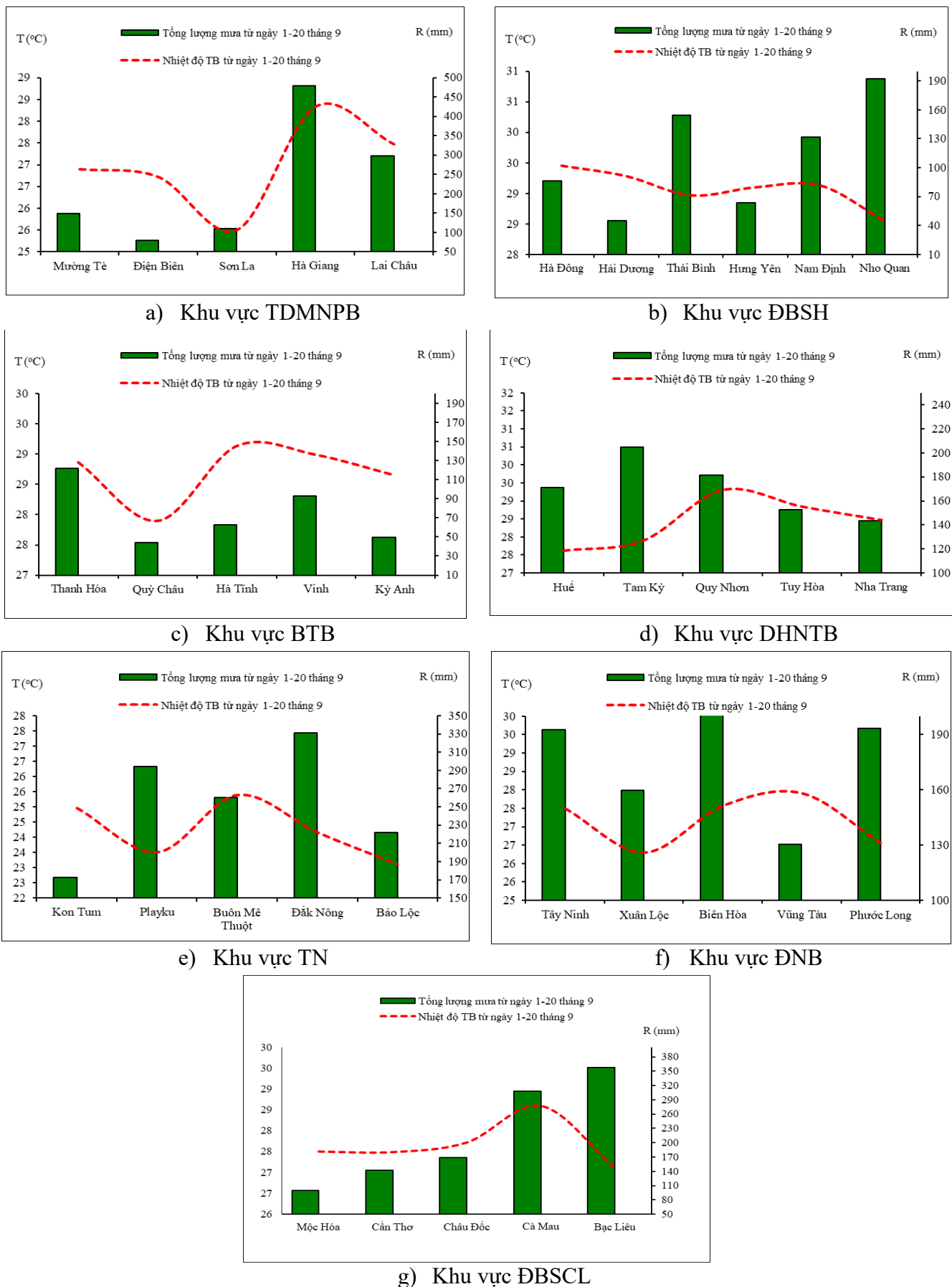
- Độ ẩm: Tuần 1 phổ biến 80–90%; tuần 2 độ ẩm tăng, dao động phổ biến 83–91%.

- Điều kiện khí tượng bất lợi với sản xuất nông nghiệp:

+ Nắng nóng: Nửa đầu tháng 9, nắng nóng tiếp tục xuất hiện cục bộ ở Bắc Bộ với mức 35–36<sup>0</sup>C. Ở các khu vực Đồng bằng Bắc Bộ, Thanh Hóa – Huế và Duyên hải Nam Trung Bộ: nắng nóng tiếp tục xảy ra, nhưng có xu hướng giảm dần cường độ và tần suất. (Hình 2).

+ Khô hạn và thiếu nước: Trên phạm vi cả nước tình trạng khô hạn phần lớn không xảy ra chỉ xuất hiện cục bộ tại một số khu vực ĐBSH

+ Mưa lớn: Nửa đầu tháng 9, Trên phạm vi cả nước khu vực có lượng mưa ngày lớn nhất tập trung tại khu vực Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và một số khu vực TBMNPB (Tuyên Quang, Lào Cai), ĐBSH (Ninh Bình). (Hình 4).



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng từ ngày 1/9/2025 đến ngày 20/9/2025 tại một số trạm khí tượng tiêu biểu cho các vùng sinh thái nông nghiệp

## 1.2. Sinh trưởng và sâu bệnh hại đối với một số cây trồng

### Tình hình sinh trưởng cây trồng (Bảng 2):

- Miền Bắc: Lúa vụ mùa đang ở giai đoạn phát triển đồng.
- Bắc Trung Bộ: Lúa vào giai đoạn làm Chắc xanh- chín. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của mưa lớn, nhiều diện tích tại các tỉnh thuộc khu vực ĐBSH, Nghệ An và Thanh Hóa bị đổ ngã, ngập úng.

Tây Nguyên: Lúa vào giai đoạn làm đồng –trở bông

- Nam Bộ và ĐBSCL: Lúa đang ở giai đoạn làm đồng và trở bông.

### Tình hình sâu bệnh hại (Bảng 3):

- Trên cây lúa: Bên cạnh các loại dịch hại thường gặp như đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông, sâu cuốn lá, xuất hiện thêm các đối tượng nguy hiểm như đạo ôn cổ bông, sâu đục thân, đen lép hạt, ốc bươu vàng và sâu cuốn lá và chuột – gây ảnh hưởng nghiêm trọng, đặc biệt tại khu vực Thanh Hóa, Nghệ An và Nam Bộ.

- Trên cây ngô: Ghi nhận sâu keo mùa thu xuất hiện rải rác tại một số tỉnh miền núi và duyên hải.

- Trên cây thanh long: Bệnh đốm nâu phát sinh tại nhiều vùng trồng trọng điểm như Lâm Đồng, Đồng Tháp, TP. HCM, ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng quả.

- Trên cây cà phê (Tây Nguyên): Tiếp tục chịu ảnh hưởng của bệnh khô cành và gỉ sắt, đe dọa quá trình phát triển quả và sinh trưởng cây.

**Bảng 2. Hiện trạng giai đoạn sinh trưởng của một số loại cây trồng**

| Vùng sinh thái | Cây trồng  | Giai đoạn sinh trưởng        |
|----------------|------------|------------------------------|
| TDMNPB         | Lúa        | Chắc xanh – đổ đuôi - chín   |
|                | Ngô        | Phát triển bắp - Thu hoạch   |
| ĐBSH           | Lúa        | Chắc xanh – đổ đuôi - chín   |
| BTB            | Lúa        | Thu hoạch xong               |
|                | Lạc        | Phát triển củ - Thu hoạch    |
| DHNTB          | Lúa        | Thu hoạch xong               |
|                | Thanh long | Chăm sóc - Thu hoạch         |
| TN             | Lúa        | Đồng - Trổ                   |
|                | Cà phê     | Nuôi quả                     |
| ĐNB            | Lúa        | Làm Đồng - trở bông          |
|                | Thanh long | Chăm sóc, phát triển thân lá |
| ĐBSCL          | Lúa        | Làm Đồng - trở bông          |

(Nguồn: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, tháng 9/2025)

**Bảng 3. Tình hình sâu bệnh hại ở một số cây trồng chính**

| Cây trồng  | Loại dịch bệnh      | Diện tích nhiễm (ha) | Diện tích đã phòng trừ (ha) | Tình trạng nhiễm nặng (ha) | Phân bố chủ yếu                                                                                                                               |
|------------|---------------------|----------------------|-----------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Lúa</b> | Bệnh đạo ôn lá      | 67.879               | 4.985                       | 25                         | Bắc Ninh, Lào Cai, Sơn La, Điện Biên, ...Lâm Đồng, Gia Lai, Khánh Hòa, An Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Tây Ninh, TP Hồ Chí Minh...              |
|            | Bệnh đạo ôn cổ bông | 348                  | 118                         | -                          | Điện Biên, Lai Châu, Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Lắk, An Giang...                                                                                  |
|            | Sâu cuốn lá nhỏ     | 10.179               | 66.971                      | 10.038                     | Bắc Ninh, Hưng yên, Quảng Ninh, Điện Biên, Thanh Hóa, Nghệ An, Gia Lai, An Giang, Tây Ninh, Vĩnh Long, Cần Thơ, TP hồ Chí Minh                |
|            | Rầy hại lúa         | 6.673                | 8.574                       | 7                          | Hưng Yên, Thái Nguyên, Lào Cai, Điện Biên, ...Nghệ An, Gia Lai, Lâm Đồng, An Giang, Cần Thơ...                                                |
|            | Sâu đục thân 2 chấm | 638                  | 1.051                       | 3                          | Thanh Hóa, Nghệ An, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Gia Lai, Tây Ninh, Cần Thơ, Cà Mau, An Giang, TP Hồ Chí Minh...                                      |
|            | Bệnh bạc lá         | 10.531               | 11.830                      | 460                        | Ninh Bình, Điện Biên, Hà Nội, Phú Thọ, Thanh Hóa, Nghệ An, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Cần Thơ, An Giang, Vĩnh Long, Cà Mau, Tây Ninh, TP Hồ Chí Minh  |
|            | Bệnh đen lép hạt    | 6.323                | 7.463                       | 17                         | Bắc Ninh, Điện Biên, Hà nội, Thái Nguyên, Nghệ An, Quảng Trị, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Cần Thơ, An Giang, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long |
|            | Ốc bươu vàng        | 7.479                | 2.746                       | -                          | Lâm Đồng, Khánh Hòa, Vĩnh Long, Tây Ninh, Cần Thơ, An Giang, TP Hồ Chí Minh                                                                   |
|            | Chuột               | 8.946                | 3.109                       | 386                        | Hưng Yên, Bắc Ninh, Hà nội, Lào Cai, Thanh Hóa, Nghệ An, Lâm Đồng, Khánh Hòa, An Giang,                                                       |

| Cây trồng         | Loại dịch bệnh  | Diện tích nhiễm (ha) | Diện tích đã phòng trừ (ha) | Tình trạng nhiễm nặng (ha) | Phân bố chủ yếu                                                                      |
|-------------------|-----------------|----------------------|-----------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
|                   |                 |                      |                             |                            | Cần Thơ, Tây Ninh, Vĩnh Long, TP Hồ Chí Minh, Đồng Tháp                              |
| <b>Ngô</b>        | Sâu keo mùa thu | 862                  | 273                         | 1                          | Bắc Ninh, Lào Cai, Lai Châu... Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, An Giang, TP Hồ Chí Minh |
| <b>Thanh long</b> | Bệnh đốm nâu    | 644                  | 10                          | -                          | Lâm Đồng, Tây Ninh, Đồng Tháp, TP Hồ Chí Minh                                        |
| <b>Cà phê</b>     | Bệnh khô cành   | 5.558                | 3.169                       | 6                          | Điện Biên, Quảng Trị, Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk, Đồng Nai                           |
|                   | Bệnh gỉ sắt     | 4.102                | 5.777                       | -                          | Điện Biên, Sơn La, Lâm đồng, Gia lai, Đắk Lắk, Đồng Nai                              |

Nguồn: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, tháng 9/2025

### 1.3. Ảnh hưởng của điều kiện khí tượng

#### a. Đến cây trồng

- Thiếu nước và khô hạn: Tại vùng ĐBSH, lượng mưa từ ngày 1 đến ngày 20/9 phần lớn không đáp ứng được nhu cầu nước cho cây lúa. Chỉ có một số trạm đáp ứng được nhu cầu nước như Nho Quan (47,77mm), Văn Lý (23,44 mm), Ninh Bình (192,2mm). Đối với vùng ĐBSCL toàn bộ khu vực đều đáp ứng được nhu cầu nước cho cây lúa. (Bảng 4).

- Nhiệt độ cao – độ ẩm lớn: Nhiệt độ ban ngày cao kết hợp với độ ẩm không khí cao về đêm tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều loại sâu bệnh phát triển mạnh, đặc biệt là rầy nâu, đạo ôn và sâu cuốn lá nhỏ ở cả miền Bắc và miền Nam.

- Bão và ATNĐ xuất hiện nhiều hơn gây ảnh hưởng trực tiếp đến cây trồng dễ bị gãy đổ, mất mùa, đặc biệt với lúa đang chín, cà phê, hồ tiêu, cây ăn quả.

- Mưa, dông: Tình hình mưa dông trên phạm vi cả nước thường xuất hiện vào chiều tối, trong khi ban ngày nắng nóng mạnh với mức nhiệt lên đến 36 độ vì vậy chênh lệch nhiệt độ, độ ẩm ngày và đêm quá cao dễ gây dễ gây cháy lá, rụng hoa, rụng trái non ở cây ăn quả, rau màu, ảnh hưởng đến sức khỏe gia súc, gia cầm.

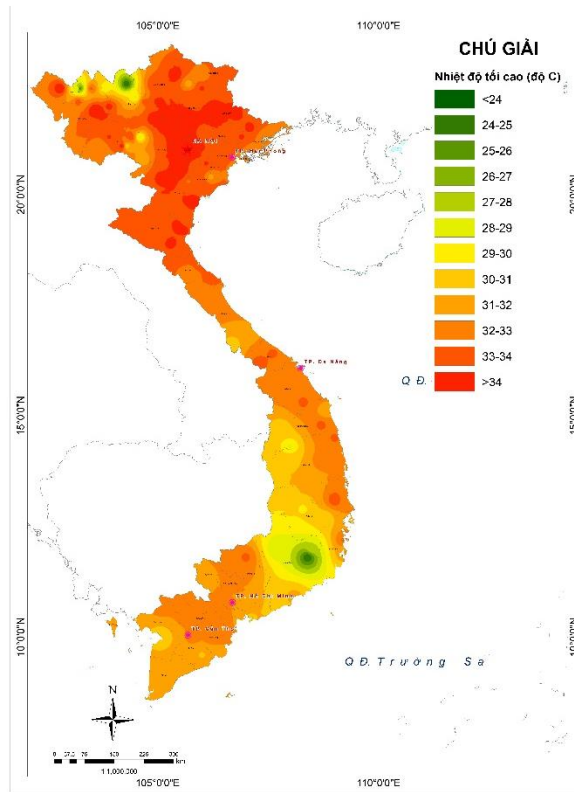
- Mưa lớn: Tình hình mưa lớn đặc biệt tại khu vực Tây Nguyên gây xói mòn đất đỏ bazan, trôi phân bón, giảm dinh dưỡng đất, ảnh hưởng cà phê, tiêu, Cao su dễ đổ ngã khi đất mềm nhão

**Bảng 4. Mức độ thiếu/thừa nước tự nhiên đối với nhu cầu nước của cây lúa từ ngày 1-20 tháng 9/2025**

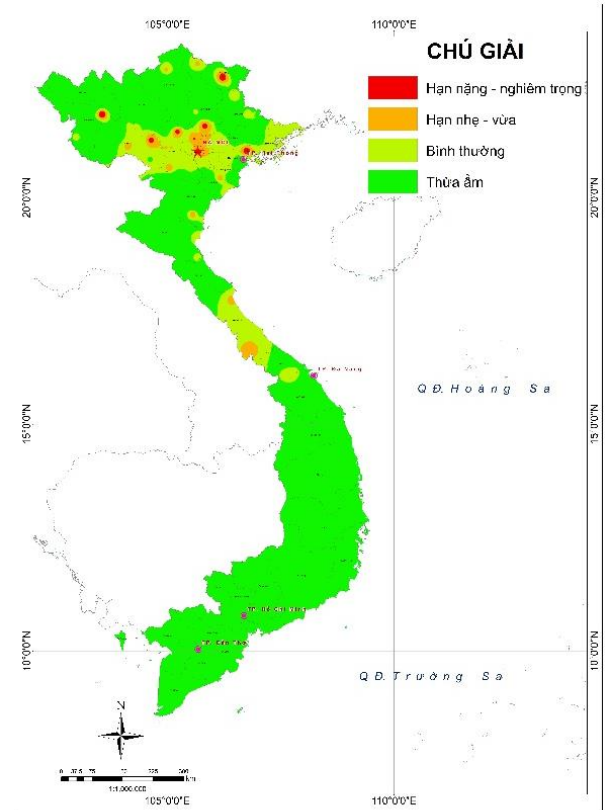
| Vùng sinh thái | Điểm/trạm | Nhu cầu nước của cây lúa (mm) | Lượng mưa thực tế (mm) | Thiếu (-)/thừa (+) nước so với nhu cầu (mm) |
|----------------|-----------|-------------------------------|------------------------|---------------------------------------------|
| ĐBSH           | Sơn Tây   | 149.0                         | 61.0                   | <b>-87.98</b>                               |
|                | Hà Đông   | 146.3                         | 86.6                   | <b>-59.72</b>                               |
|                | Hải Dương | 148.6                         | 44.9                   | <b>-103.69</b>                              |
|                | Hưng Yên  | 146.1                         | 63.3                   | <b>-82.82</b>                               |
|                | Nam Định  | 146.4                         | 131.9                  | <b>-14.48</b>                               |
|                | Văn Lý    | 156.3                         | 179.7                  | <b>23.44</b>                                |
|                | Nho Quan  | 144.4                         | 192.2                  | <b>47.77</b>                                |
|                | Ninh Bình | 145.6                         | 337.8                  | <b>192.20</b>                               |
|                | Thái Bình | 146.1                         | 154.5                  | <b>8.38</b>                                 |
| ĐBSCL          | Mộc Hóa   | <b>Trống vự</b>               | 100.2                  | <b>100.2</b>                                |
|                | Mỹ Tho    |                               | 140.1                  | <b>140.1</b>                                |
|                | Cao Lãnh  |                               | 159.4                  | <b>159.4</b>                                |
|                | Càng Long |                               | 134.5                  | <b>134.5</b>                                |
|                | Châu Đốc  |                               | 168.8                  | <b>168.8</b>                                |
|                | Cần Thơ   |                               | 141.9                  | <b>141.9</b>                                |
|                | Sóc Trăng |                               | 220.5                  | <b>220.5</b>                                |
|                | Rạch Giá  |                               | 174.3                  | <b>174.3</b>                                |
|                | Bạc Liêu  |                               | 358.1                  | <b>358.1</b>                                |

## b. Đến vật nuôi

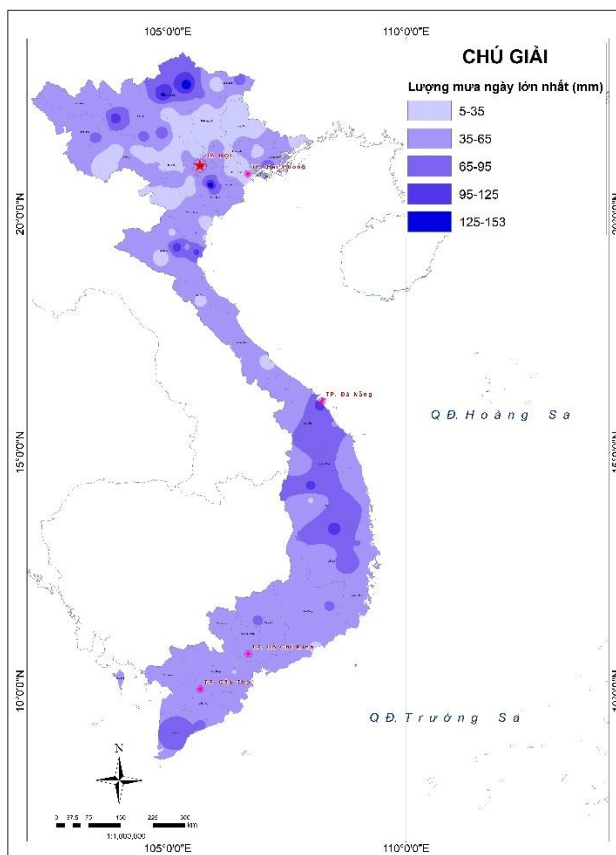
Kết quả tính toán chỉ số THI cho thấy, điều kiện khí hậu trong nửa đầu tháng 9 gây ảnh hưởng nhẹ đối với vật nuôi trên cả nước. Cụ thể, THI cao cho thấy độ ẩm cao làm giảm khả năng tiêu hóa thức ăn, dễ bùng phát các dịch bệnh về đường tiêu hóa cho gia súc và gia cầm trên toàn quốc (Hình 5).



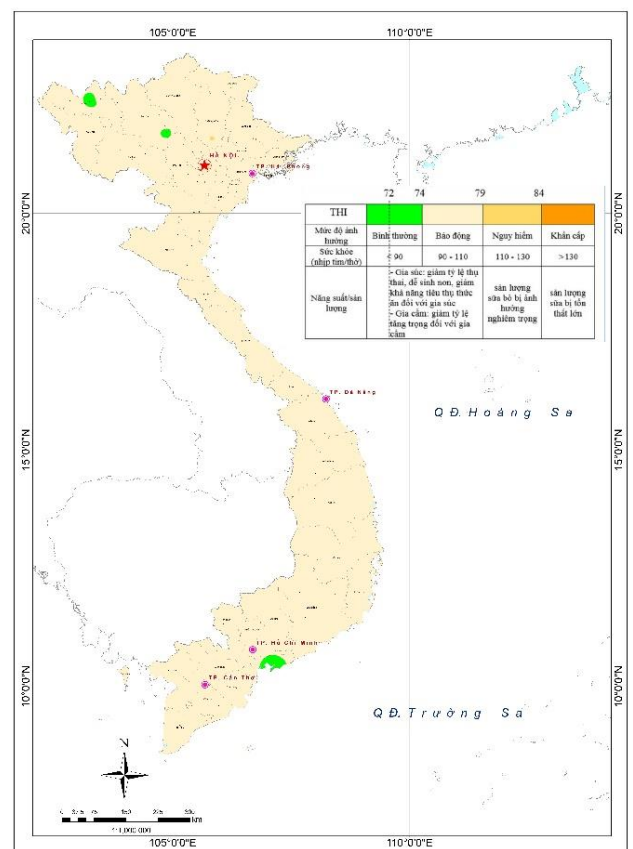
Hình 2. Nhiệt độ tối cao trung bình (Tx) từ ngày 1-20 tháng 9/2025



Hình 3. Điều kiện khô hạn/ẩm ướt theo chỉ số hạn nông nghiệp từ ngày 1-20 tháng 9/2025



Hình 4. Lượng mưa ngày lớn nhất từ ngày 1-20 tháng 9/2025



Hình 5. Chỉ số nhiệt-ẩm (THI) trung bình từ ngày 1-20 tháng 9/2025

## PHẦN II.

### **DỰ BÁO ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP TỪ THÁNG 10 ĐẾN THÁNG 12 NĂM 2025**

#### **2.1. Xu thế khí hậu từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2025**

Theo bản tin “Thông báo và dự báo khí hậu” số tháng 9/2025 (Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu) cho thấy:

##### 1) Hoạt động của ENSO:

- Hiện tại, điều kiện khí quyển và đại dương phản ánh ENSO đang ở trạng thái trung tính, nghiêng về pha lạnh. Dự báo ENSO có khả năng chuyển sang trạng thái La Niña trong mùa 3 tháng 10-12 năm 2025 với xác suất khoảng 60-70%.

##### (2) Gió mùa:

- Gió mùa mùa đông (GMMĐ) có khả năng bắt đầu ở mức xấp xỉ TBNN. Cường độ GMMĐ có khả năng xấp xỉ đến mạnh hơn TBNN ở nửa đầu mùa (tháng 11-12).

##### (3) Nhiệt độ:

- Trong mùa 3 tháng 10-12 năm 2025, nhiệt độ có khả năng thấp hơn đến xấp xỉ TBNN ở Bắc Bộ và khu vực từ Thanh Hóa đến Huế; xấp xỉ TBNN ở Cao nguyên Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

##### (4) Lượng mưa:

- Trong mùa 3 tháng 10-12 năm 2025, TLM có khả năng xấp xỉ TBNN ở Bắc Bộ; xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở khu vực từ Thanh Hóa đến Huế và Cao nguyên Trung Bộ; cao hơn TBNN ở Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Đề phòng các đợt mưa lớn xảy ra gây ngập lụt nghiêm trọng cho khu vực Trung Bộ.

##### (5) Hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan:

- Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ): Trong mùa 3 tháng 10-12 năm 2025, số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam (đặc biệt khu vực Trung Bộ) có khả năng xấp xỉ TBNN (TBNN: 4-5 cơn trên Biển Đông và 2-3 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam).

- Điều kiện khô hạn: Mùa khô 2025/2026 ở Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ khả năng xấp xỉ đến muộn hơn so với TBNN. Khả năng xuất hiện các đợt mưa trái mùa làm giảm bớt điều kiện khô hạn trên khu vực

## **2.2. Rủi ro khí hậu đến từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2025**

### **2.2.1. Rủi ro đối với cây trồng**

a) Tình hình khô hạn/ẩm ướt theo chỉ số hạn nông nghiệp

+ Dự báo từ tháng 10/2025, Khu vực Bắc Bộ có nguy cơ khô hạn tại khu vực phía Tây Bắc. Tháng 11 hạn xuất hiện và có xu hướng mở rộng tại vùng ĐBSH, tháng 12 hạn tiếp tục xuất hiện tại hầu hết vùng ĐBSH và xuất hiện tại ĐBSCL (Hình 6).

b) Tình hình thiếu/thừa nước đối với cây lúa

+ Dự báo từ tháng 10/2025, Khu vực Bắc Bộ nhu cầu nước đáp ứng đủ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp. Khu vực ĐBSCL không đáp ứng đủ nước cho cây lúa.

+ Đến tháng 11, Nhu cầu nước cho cây lúa vẫn đáp ứng được hầu hết trên cả nước chỉ có một vài khu vực ĐBSH có nguy cơ thiếu nước, còn đối với ĐBSCL lượng mưa tăng mạnh có thể gây ngập úng đối với cây lúa.

+ Đến tháng 12, lượng mưa giảm tại khu vực ĐBSH một số nơi có nguy cơ hạn nhẹ không đáp ứng đủ nước đối với cây lúa. Đối với ĐBSCL có nguy cơ xuất hiện khô hạn, lượng nước không đáp ứng đủ cho cây lúa. (Bảng 5).

c) Rủi ro sâu bệnh hại

Thời tiết thay đổi, chênh lệch nhiệt độ và độ ẩm lớn trong tháng 9,10 tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều dịch hại phát sinh và gây hại trên diện rộng:

- Lúa:

- Miền Bắc: Ốc bươu vàng, chuột hại tăng; rầy nâu – rầy lưng trắng, sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn.
- Bắc Trung Bộ: Ốc bươu vàng, chuột, sâu cuốn lá nhỏ, rầy, bọ trĩ.
- DHNTB&TN: Bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, đạo ôn lá, khô vằn, đen lép thối hạt.
- Nam Bộ: Rầy nâu, đạo ôn, bạc lá, đen lép hạt.

- Ngô: Sâu keo mùa thu, sâu ăn lá, bệnh đốm lá, Sâu đục thân đục bắp, bệnh gỉ sắt, bệnh khô vằn.

- Thanh long: Đốm nâu, rệp sáp, thán thư, ốc.

- Cà phê: Rệp sáp, rệp vảy, mọt đục thân/cành, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt.

- Hồ tiêu: Chết chậm, chết nhanh, tuyến trùng rễ, rệp sáp.

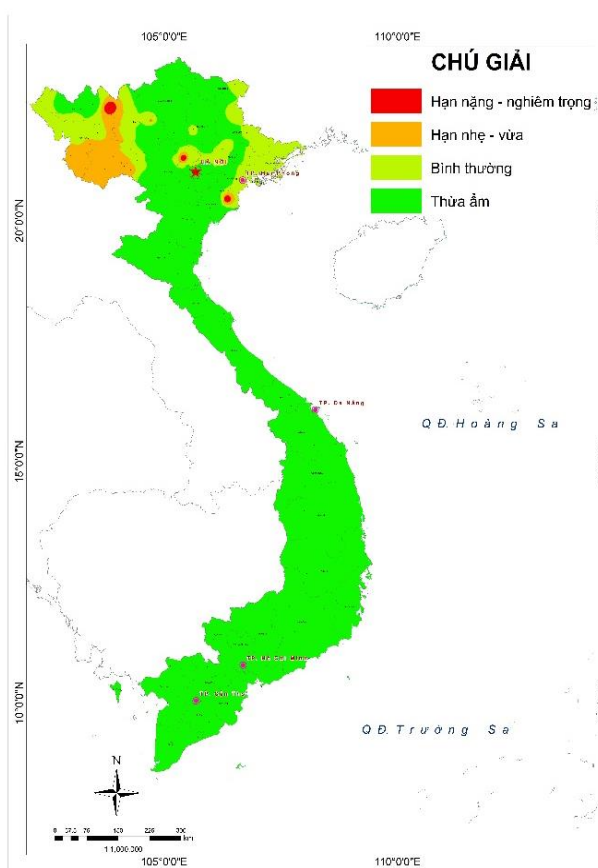
- Điều: Bọ xít muỗi, thán thư.

- Chè: Rầy xanh, bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, nhện đỏ, thối búp.
- Nhân, vải: Chổi rồng, sâu cuốn lá, sâu đo, thán thư.

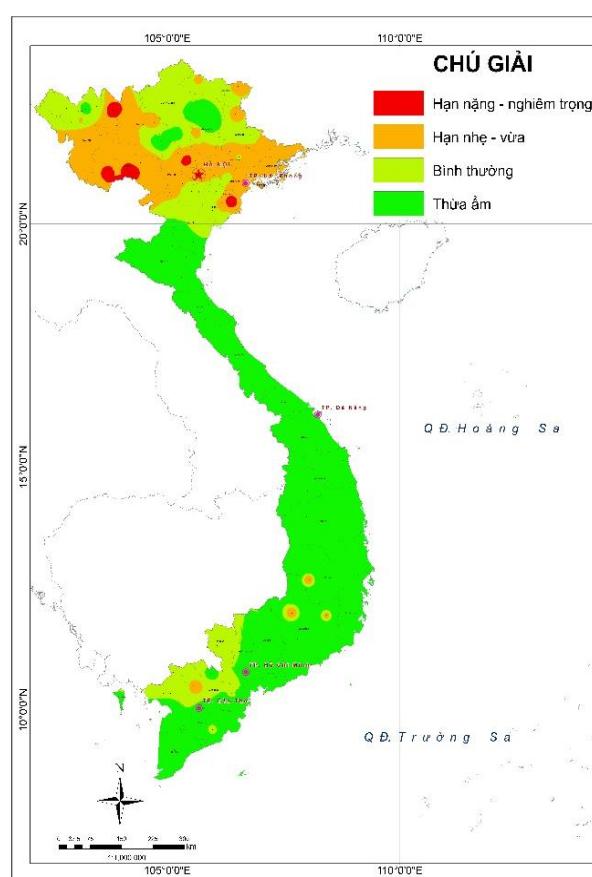
### Nhận định chung:

Trong các tháng 10/2025, Bắc Bộ là những khu vực dễ bị ảnh hưởng bất lợi do độ ẩm cao xuất hiện nhiều loại sâu bệnh hại cho cây trồng và xuất hiện tình trạng khô hạn tại một số khu vực. Đối với khu vực Nam Bộ có nguy cơ ngập úng cao đối với cây trồng.

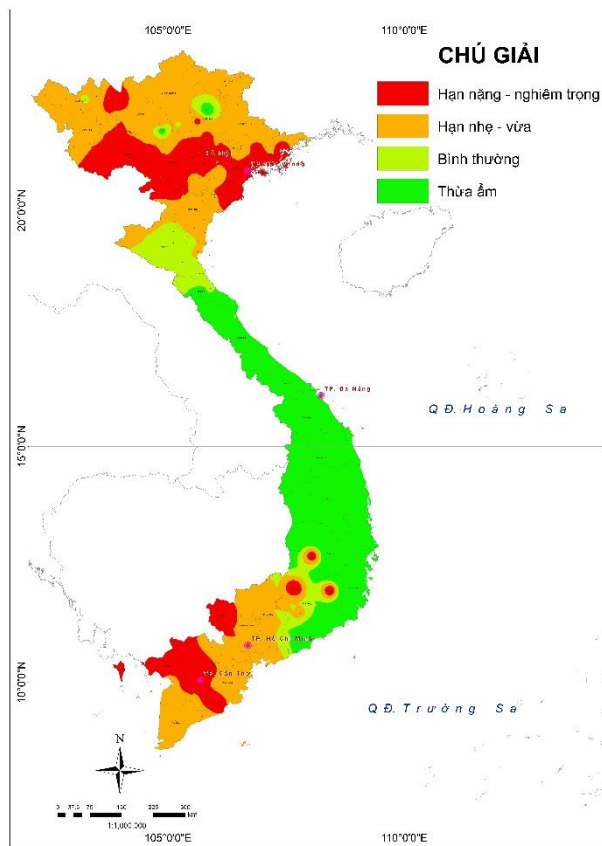
Đến tháng 11,12 các tỉnh vùng ĐBSH và ĐBSCL có xu hướng gia tăng tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp do xuất hiện tình trạng khô hạn. (Bảng 6)



Tháng 10/2025



Tháng 11/2025



Tháng 12/2025

**Hình 6. Dự báo khô hạn/ẩm ướt theo chỉ số hạn nông nghiệp tháng 10 đến tháng 12/2025**

**Bảng 5. Khả năng đáp ứng nhu cầu nước đối với cây lúa từ lượng mưa trong mùa tháng 10 đến tháng 12/2025**

| Vùng sinh thái | Trạm      | thiếu (-)/Thừa (+) nước (m <sup>3</sup> /ha) |             |             | Khuyến cáo                                                                |
|----------------|-----------|----------------------------------------------|-------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------|
|                |           | Tháng 10                                     | Tháng 11    | Tháng 12    |                                                                           |
| <b>ĐBSH</b>    | Sơn Tây   | <b>+368</b>                                  | <b>-44</b>  | <b>+231</b> | Tháng 10: Đủ ẩm<br>Tháng 11: Thiếu hụt nước<br>Tháng 12: Đủ ẩm            |
|                | Hà Đông   | <b>+599</b>                                  | <b>+179</b> | <b>+375</b> | Tháng 10,11,12: Đủ ẩm                                                     |
|                | Hải Dương | <b>-17</b>                                   | <b>-192</b> | <b>+222</b> | Tháng 10,11: Thiếu hụt nước<br>Tháng 12: Đủ ẩm                            |
|                | Hưng Yên  | <b>+466</b>                                  | <b>+40</b>  | <b>+239</b> | Tháng 10,11,12: Đủ ẩm                                                     |
|                | Nam Định  | <b>+769</b>                                  | <b>-53</b>  | <b>+280</b> | Tháng 10: Dư thừa nước<br>Tháng 11: Thiếu hụt nước<br>Tháng 12: Đủ ẩm     |
|                | Văn Lý    | <b>+1007</b>                                 | <b>+4</b>   | <b>+283</b> | Tháng 10: Quá dư thừa nước<br>Tháng 11,12: Đủ ẩm                          |
|                | Nho Quan  | <b>+936</b>                                  | <b>+48</b>  | <b>+236</b> | Tháng 10: Quá dư thừa nước<br>Tháng 11,12: Đủ ẩm                          |
|                | Ninh Bình | <b>+958</b>                                  | <b>-39</b>  | <b>+290</b> | Tháng 10: Quá dư thừa nước<br>Tháng 11: Thiếu hụt nước<br>Tháng 12: Đủ ẩm |

| Vùng sinh thái | Trạm      | thiếu (-)/Thừa (+) nước (m <sup>3</sup> /ha) |          |          | Khuyến cáo                                                               |
|----------------|-----------|----------------------------------------------|----------|----------|--------------------------------------------------------------------------|
|                |           | Tháng 10                                     | Tháng 11 | Tháng 12 |                                                                          |
| <b>ĐBSCL</b>   | Mộc Hóa   | +3295                                        | +441     | -1230    | Tháng 10: Có nguy cơ ngập<br>Tháng 11: Đủ ẩm<br>Tháng 12: Thiếu hụt nước |
|                | Mỹ Tho    | +2625                                        | -193     | -1194    | Tháng 10: Có nguy cơ ngập<br>Tháng 11,12: Thiếu hụt nước                 |
|                | Cao Lãnh  | +2817                                        | +257     | -1182    | Tháng 10: Có nguy cơ ngập<br>Tháng 11: Đủ ẩm<br>Tháng 12: Thiếu hụt nước |
|                | Càng Long | +2883                                        | +69      | -1196    | Tháng 10: Có nguy cơ ngập<br>Tháng 11: Đủ ẩm<br>Tháng 12: Thiếu hụt nước |
|                | Châu Đốc  | +2675                                        | +209     | -1243    | Tháng 10: Có nguy cơ ngập<br>Tháng 11: Đủ ẩm<br>Tháng 12: Thiếu hụt nước |
|                | Cần Thơ   | +2981                                        | +145     | -1247    | Tháng 10: Có nguy cơ ngập<br>Tháng 11: Đủ ẩm<br>Tháng 12: Thiếu hụt nước |
|                | Sóc Trăng | +3037                                        | +184     | -1223    | Tháng 10: Có nguy cơ ngập<br>Tháng 11: Đủ ẩm<br>Tháng 12: Thiếu hụt nước |
|                | Rạch Giá  | +2936                                        | +503     | -1232    | Tháng 10: Có nguy cơ ngập<br>Tháng 11: Đủ ẩm<br>Tháng 12: Thiếu hụt nước |
|                | Bạc Liêu  | +2871                                        | +547     | -1127    | Tháng 10: Có nguy cơ ngập<br>Tháng 11: Đủ ẩm<br>Tháng 12: Thiếu hụt nước |

**Bảng 6. Tổng hợp thông tin thuận lợi/không thuận lợi đối với sinh trưởng và phát triển của một số cây trồng từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2025**

| Vùng STNN     | Cây trồng | Năm 2025 |    |    |    |    |    |    |    |    |     |     |     |
|---------------|-----------|----------|----|----|----|----|----|----|----|----|-----|-----|-----|
|               |           | T1       | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | T8 | T9 | T10 | T11 | T12 |
| <b>TDMNPB</b> | Lúa       |          |    |    |    |    |    |    |    |    | TL  | TL  |     |
|               | Lúa nương |          |    |    |    |    |    |    |    |    | TL  |     |     |
|               | Ngô       |          |    |    |    |    |    |    |    |    | TL  |     |     |
| <b>ĐBSH</b>   | Lúa       |          |    |    |    |    |    |    |    |    | TL  | TL  |     |
| <b>BTB</b>    | Lúa       |          |    |    |    |    |    |    |    |    | TL  |     |     |
|               | Lạc       |          |    |    |    |    |    |    |    |    | TL  |     |     |
| <b>DHNTB</b>  | Lúa       |          |    |    |    |    |    |    |    |    |     |     | TL  |

|       |            |  |  |  |  |  |  |  |  |  |     |     |     |
|-------|------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|-----|-----|-----|
|       | Thanh Long |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ITL | ITL | ITL |
| TN    | Lúa        |  |  |  |  |  |  |  |  |  |     |     | ITL |
|       | Cà phê     |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ITL | TL  | ITL |
| ĐNB   | Lúa        |  |  |  |  |  |  |  |  |  |     | TL  | ITL |
|       | Thanh Long |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ITL | TL  | ITL |
| ĐBSCL | Lúa        |  |  |  |  |  |  |  |  |  |     | TL  | ITL |

### Chú giải:

|  |                                |
|--|--------------------------------|
|  | Thời kỳ không gieo trồng       |
|  | Thời kỳ gieo trồng             |
|  | Thời kỳ sinh dưỡng             |
|  | Thời kỳ sinh thực              |
|  | Thời kỳ chín và thu hoạch      |
|  | Thời kỳ ra hoa, quả, thu hoạch |

**TL: Thuận lợi cho SXNN**

**ITL: Ít thuận lợi cho SXNN**

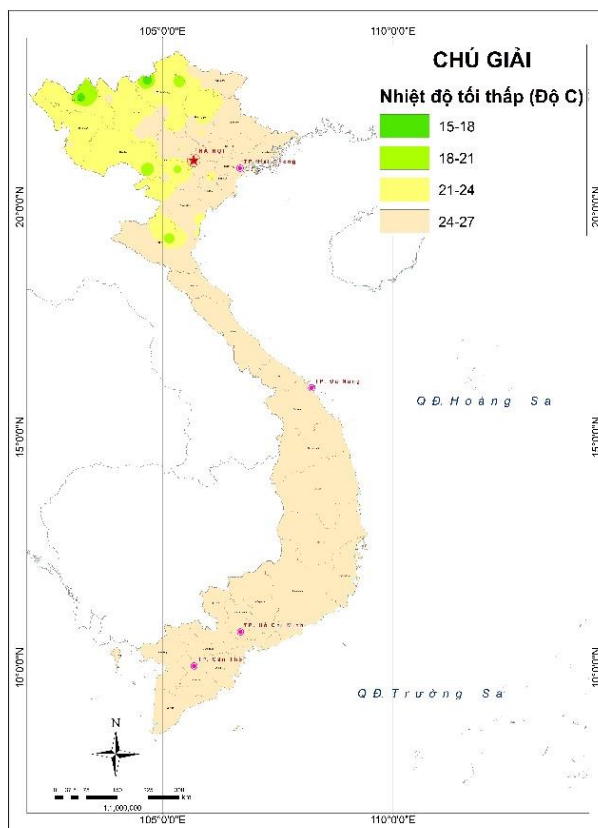
### 2.2.2. Rủi ro đối với vật nuôi

Trong các tháng 10/2025, Nắng nóng không còn xuất hiện tuy nhiên với lượng mưa nhiều, độ ẩm cao điều kiện thời tiết dễ gây bùng phát các loại dịch bệnh (bệnh tiêu hóa, truyền nhiễm) trong chăn nuôi (Hình 8).

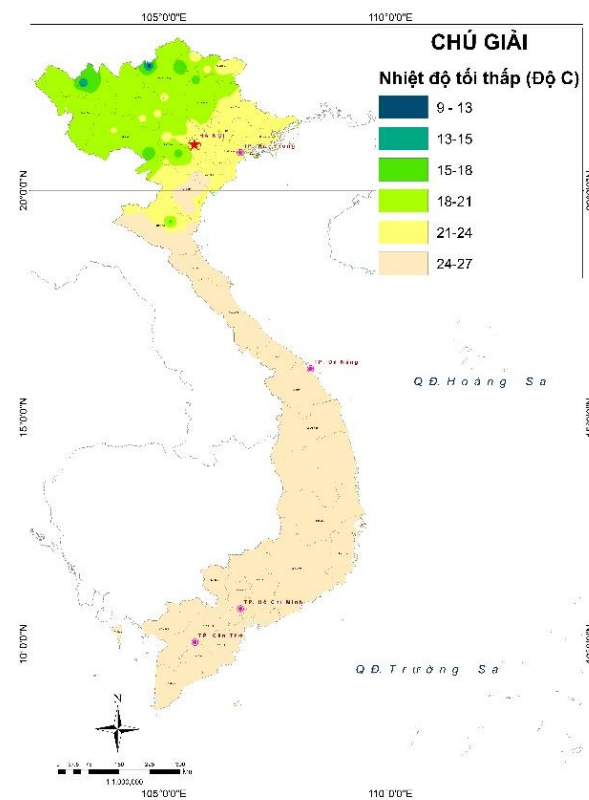
Đến tháng 11,12, Tại khu vực Bắc Bộ nhiệt độ giảm mạnh xuất hiện tình trạng rét đậm tại một số khu vực TDMNPB gây ảnh hưởng đến sức khỏe vật nuôi.

Dự báo chỉ số nhiệt - ẩm (THI) cho thấy mặc dù không còn tình trạng nắng nóng nhưng nhiệt độ trung bình từ 28-30°C kết hợp với độ ẩm cao vẫn gây ảnh hưởng nhẹ đến gia súc và gia cầm trên toàn quốc, vì vậy trong tháng 10 phần lớn trên cả nước bị ảnh hưởng chỉ có một phần nhỏ khu vực Tây Bắc không bị ảnh hưởng. Tháng 11 chủ yếu khu vực Nam Trung Bộ và Nam Bộ bị ảnh hưởng nhẹ. Đối với tháng 12 chỉ có khu vực Tây Nguyên và ĐBSCL bị ảnh hưởng nhẹ Ảnh hưởng chủ yếu bao gồm:

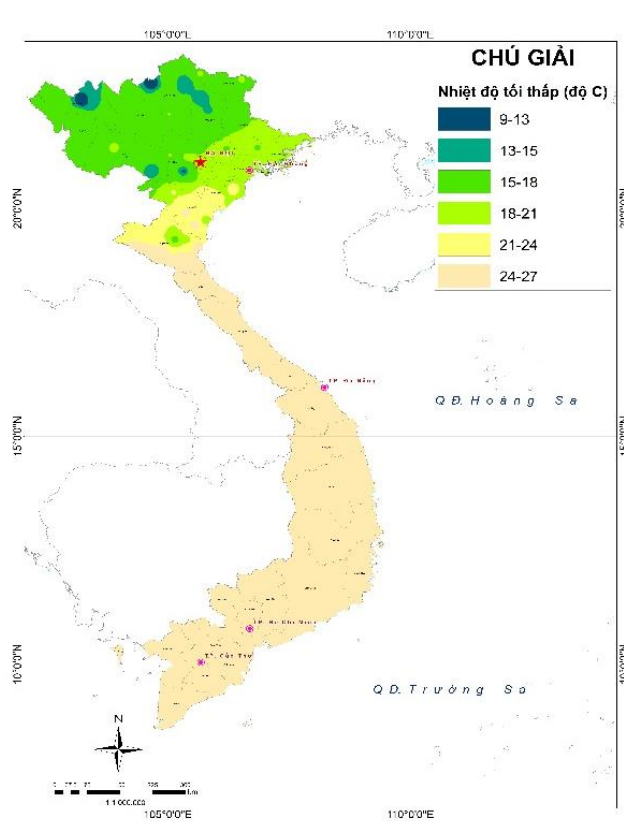
- Giảm khả năng tiêu thụ thức ăn,
- Tăng nhịp tim và rối loạn hô hấp,
- Suy giảm sức đề kháng, ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trọng và năng suất chăn nuôi (Hình 8).



Tháng 10/2025

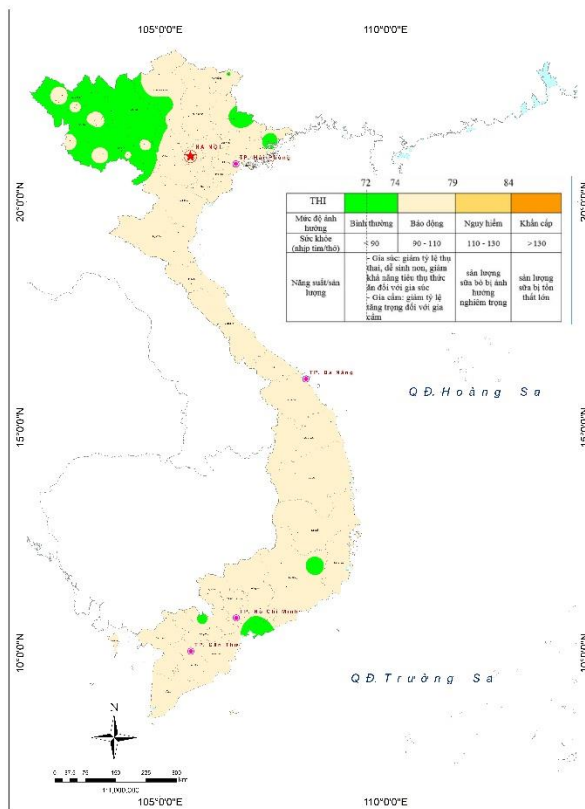


Tháng 11/2025

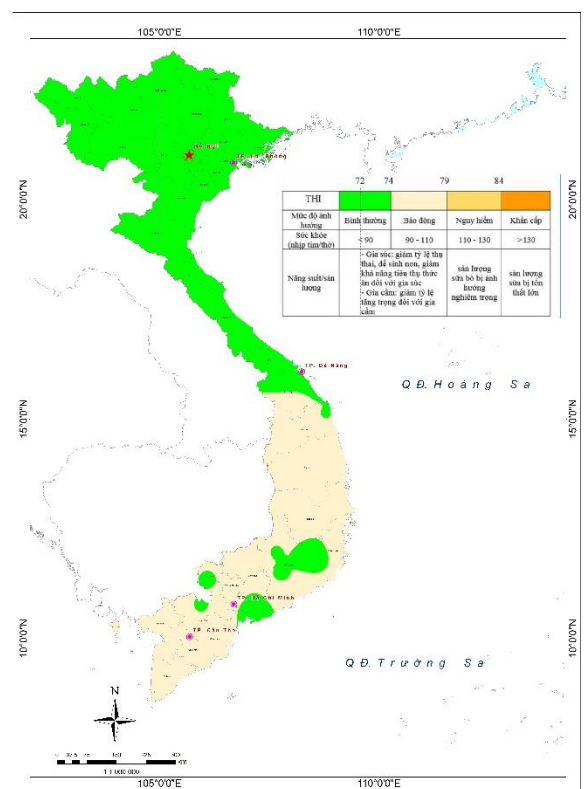


Tháng 12/2025

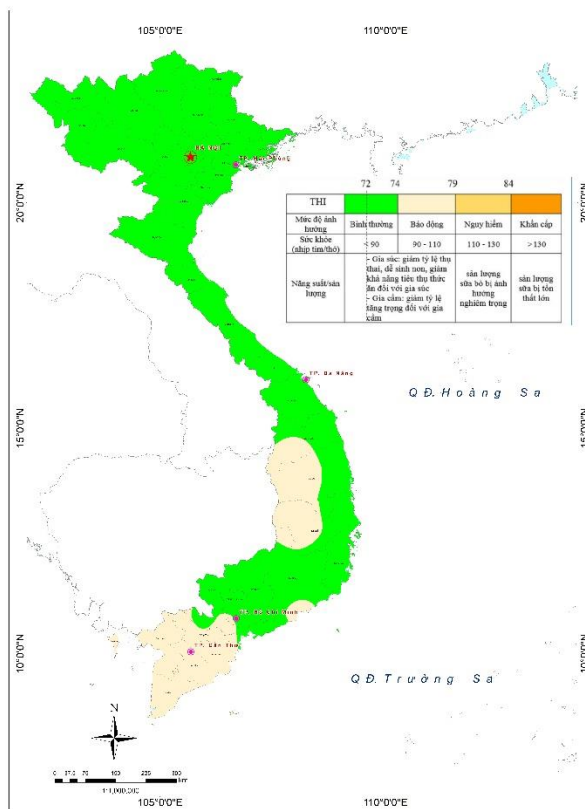
Hình 7. Dự báo nhiệt độ tối thấp (Tx) trung bình tháng 10 đến tháng 12/2025 (°C)



Tháng 10/2025



Tháng 11/2025



Tháng 12/2025

|                         | 72                                                                                                                                              | 74       | 79                                         | 84                            |
|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------------------------------|-------------------------------|
| THI                     |                                                                                                                                                 |          |                                            |                               |
| Mức độ ảnh hưởng        | Bình thường                                                                                                                                     | Bảo động | Nguy hiểm                                  | Khẩn cấp                      |
| Sức khỏe (nhịp tim/thở) | < 90                                                                                                                                            | 90 - 110 | 110 - 130                                  | > 130                         |
| Năng suất/sản lượng     | - Gia súc: giảm tỷ lệ thụ thai, đẻ sinh non, giảm khả năng tiêu thụ thức ăn đối với gia súc<br>- Gia cầm: giảm tỷ lệ tăng trọng đối với gia cầm |          | sản lượng sữa bò bị ảnh hưởng nghiêm trọng | sản lượng sữa bị tổn thất lớn |

Hình 8. Nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe và sản lượng của vật nuôi từ tháng 10 đến tháng 12/2025 dựa trên chỉ số THI

### **PHẦN III.**

## **KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG 10 ĐẾN THÁNG 12 NĂM 2025**

Dựa trên phân tích xu thế khí hậu và rủi ro khí hậu mùa vụ từ tháng 10 đến tháng 12/2025, các biện pháp kỹ thuật được khuyến nghị nhằm chủ động ứng phó và hạn chế thiệt hại trong sản xuất nông nghiệp (Bảng 7), cụ thể như sau:

### **1. Trung du và miền núi phía Bắc**

Lúa và ngô có nguy cơ thiếu hụt nước trong tháng 11. Cần:

Đảm bảo bổ sung nước tưới vừa đủ trong giai đoạn, Lúa chắc xanh, Ngô phát triển bắp

Tháng 12 điều kiện khí hậu có nguy cơ hạn nhẹ, hạn vừa

### **2. Đồng bằng sông Hồng**

Tháng 10 lượng nước đáp ứng đủ nhu cầu trong giai đoạn phát triển của cây Lúa.

Tháng 11 có nguy cơ hạn nhẹ, tháng 12 có nguy cơ hạn vừa và nặng cần đảm bảo độ ẩm và nguồn nước phục vụ các hoạt động sản xuất nông nghiệp

### **3. Bắc Trung Bộ**

Cần đảm bảo tiêu thoát nước tốt, thuận tiện cho hoạt động thu hoạch Lạc và hoạt động cải tạo lại đất chuẩn bị cho mùa vụ mới.

### **4. Duyên hải Nam Trung Bộ**

Tháng 10 Cần đảm bảo tiêu thoát nước tốt, lúa cần duy trì mực nước hợp lý trong các giai đoạn sinh trưởng.

Thanh long cần tăng cường tưới bổ sung, chăm sóc sau thu hoạch bằng biện pháp tia canh và bón phân hữu cơ giúp phục hồi cây.

### **5. Tây Nguyên**

Lúa: Cần đảm bảo tiêu thoát nước tốt, Duy trì mực nước từ 3-7 cm trên bề mặt ruộng.

Cà phê: Đảm bảo độ ẩm ổn định, đề phòng bệnh thán thư, rệp sáp, bón phân cân đối để quả phát triển tốt. Phòng ngừa các bệnh hại như thán thư, rệp sáp; bón phân cân đối.

Tháng 12 cần bổ sung lượng nước tưới để đáp bảo cho cây sinh trưởng và phát triển tốt

### **6. Đông Nam Bộ**

Với lúa, cần duy trì mực nước thích hợp (3–7 cm) để hạn chế sâu bệnh trong các giai đoạn làm đòng và trổ bông.

Với thanh long, cần chủ động thoát nước trong tháng 10-11 (khi có nguy cơ ngập cục bộ), đồng thời chăm sóc kỹ trong giai đoạn phát triển và thu hoạch quả để hạn chế bệnh thán thư và hại rệp.

## 7. Đồng bằng sông Cửu Long

Dự báo nguy cơ dư thừa nước trong tháng 10.

Cần chủ động giữ mực nước ruộng hợp lý trong từng giai đoạn sinh trưởng.

Tháng 12 cần bổ sung lượng nước tưới để đáp bảo cho cây sinh trưởng và phát triển tốt

**Bảng 7. Tóm tắt các giải pháp giảm thiểu rủi ro khí hậu đối với cây trồng**

| Vùng          | Cây trồng  | Rủi ro khí hậu                                                          | Các giải pháp giảm thiểu rủi ro khí hậu đối với cây trồng                        |                                                                       |                                                                                      |
|---------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
|               |            |                                                                         | Tháng 10                                                                         | Tháng 11                                                              | Tháng 12                                                                             |
| <b>TDMNPB</b> | <b>Lúa</b> | Tháng 10: Đủ ẩm<br>Tháng 11: Thiếu hụt nước<br>Tháng 12: Thiếu hụt nước | Giai đoạn: Đò đui- chín- Thu hoạch                                               | Thu hoạch xong                                                        | Giai đoạn: gieo cấy<br>Đảm bảo cung cấp đủ nước cho hoạt động gieo trồng             |
|               | <b>Ngô</b> | Tháng 10: Đủ ẩm<br>Tháng 11: Thiếu hụt nước<br>Tháng 12: Thiếu hụt nước | Giai đoạn Cây trổ bông, phát triển bắp                                           | - Giai đoạn chín, thu hoạch<br>Đảm bảo cung cấp đủ lượng nước cho cây | Giai đoạn thu hoạch xong                                                             |
| <b>ĐBSH</b>   | <b>Lúa</b> | Tháng 10: Đủ ẩm<br>Tháng 11: Thiếu hụt nước<br>Tháng 12: đủ ẩm          | Giai đoạn thu hoạch                                                              | Thu hoạch xong                                                        | Giai đoạn Gieo trồng<br>Đảm bảo cung cấp đủ lượng nước tưới cho hoạt động gieo trồng |
| <b>BTB</b>    | <b>Lúa</b> | Tháng 10: Có nguy cơ ngập<br>Tháng 11: Dư thừa nước<br>Tháng 12: Đủ ẩm  | Giai đoạn: Thu hoạch<br>Đảm bảo thoát nước tốt thuận lợi cho hoạt động thu hoạch | Thu hoạch xong                                                        | Giai đoạn thu hoạch xong                                                             |

| Vùng              | Cây trồng         | Rủi ro khí hậu                                                           | Các giải pháp giảm thiểu rủi ro khí hậu đối với cây trồng                                                                                           |                                               |                                                                                                                      |
|-------------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                   |                   |                                                                          | Tháng 10                                                                                                                                            | Tháng 11                                      | Tháng 12                                                                                                             |
|                   | <b>Lạc</b>        | Tháng 10: Có nguy cơ ngập<br>Tháng 11: Dư thừa nước<br>Tháng 12: Đủ ẩm   | Giai đoạn PT củ - thu hoạch<br>Đảm bảo thoát nước tốt thuận tiện cho thu hoạch                                                                      | Giai đoạn thu hoạch xong                      | Giai đoạn thu hoạch xong                                                                                             |
| <b>DHNTB</b>      | <b>Lúa</b>        | Tháng 10: Có nguy cơ ngập<br>Tháng 11: đủ ẩm<br>Tháng 12: Thiếu hụt nước | Giai đoạn: Lúa chín – Thu hoạch<br>Đảm bảo thoát nước tốt thuận tiện cho thu hoạch                                                                  | Giai đoạn thu hoạch xong                      | Giai đoạn gieo cấy<br>Đảm bảo cung cấp đủ lượng nước tưới cho hoạt động gieo trồng                                   |
|                   | <b>Thanh Long</b> | Tháng 10: Có nguy cơ ngập<br>Tháng 11: đủ ẩm<br>Tháng 12: Thiếu hụt nước | Giai đoạn: Thu hoạch - chăm sóc sau thu hoạch<br>Tỉa cành, bón phân hữu cơ, duy trì độ ẩm ổn định để cây phục hồi.                                  | Giai đoạn: Thu hoạch - chăm sóc sau thu hoạch | Giai đoạn: Thu hoạch - chăm sóc sau thu hoạch                                                                        |
| <b>Tây Nguyên</b> | <b>Lúa</b>        | Tháng 10: Có nguy cơ ngập<br>Tháng 11: đủ ẩm<br>Tháng 12: Thiếu hụt nước | Giai đoạn: Thu hoạch - chăm sóc sau thu hoạch                                                                                                       | Giai đoạn thu hoạch xong                      | Giai đoạn thu hoạch xong                                                                                             |
|                   | <b>Cà phê</b>     | Tháng 10: Có nguy cơ ngập<br>Tháng 11: đủ ẩm<br>Tháng 12: Thiếu hụt nước | Giai đoạn: Chắc quả - Chín bói.<br>Đảm bảo thoát nước tốt để độ ẩm ổn định, đề phòng bệnh thán thư, rệp sáp, bón phân cân đối để quả phát triển tốt | Giai đoạn quả chín                            | Giai đoạn quả chín<br>Đảm bảo độ ẩm ổn định, đề phòng bệnh thán thư, rệp sáp, bón phân cân đối để quả phát triển tốt |
| <b>ĐNB</b>        | <b>Lúa</b>        | Tháng 10: Có nguy cơ ngập<br>Tháng 11: đủ ẩm<br>Tháng 12: Thiếu hụt nước | Giai đoạn: Chín – thu hoạch<br>Duy trì mực nước 3–5 cm, đề phòng sâu cuốn lá, rầy nâu, bệnh đạo ôn, khô vằn.                                        | Giai đoạn: Thu hoạch xong                     | Giai đoạn gieo trồng<br>Cải tạo đất, Đảm bảo cung cấp đủ nguồn nước cho gieo trồng                                   |

| Vùng         | Cây trồng         | Rủi ro khí hậu                                                           | Các giải pháp giảm thiểu rủi ro khí hậu đối với cây trồng                                                               |                                                                                                                   |                                                                                          |
|--------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
|              |                   |                                                                          | Tháng 10                                                                                                                | Tháng 11                                                                                                          | Tháng 12                                                                                 |
|              | <b>Thanh Long</b> | Tháng 10: Có nguy cơ ngập<br>Tháng 11: đủ ẩm<br>Tháng 12: Thiếu hụt nước | Giai đoạn: Chín – thu hoạch<br><br>Đảm bảo thoát nước tốt, đề phòng bệnh thán thư, rệp sáp, thu hoạch quả chín đúng độ. | Giai đoạn: Chăm sóc - Phát triển thân, lá<br><br>Đảm bảo thoát nước tốt cho cây phát triển tránh bị ngập úng cây. | Giai đoạn phát triển quả<br>Cải tạo đất, Đảm bảo cung cấp đủ nước cho quả phát triển     |
| <b>ĐBSCL</b> | <b>Lúa</b>        | Tháng 10: Có nguy cơ ngập<br>Tháng 11: đủ ẩm<br>Tháng 12: Thiếu hụt nước | Giai đoạn: Thu hoạch xong                                                                                               | Giai đoạn gieo trồng                                                                                              | Giai đoạn Mạ- đẻ nhánh<br><br>Cải tạo đất, Đảm bảo cung cấp đủ nguồn nước cho gieo trồng |



## ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp,  
Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu  
Địa chỉ: Số 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.  
Email: [ktnn.imhen@mae.gov.vn](mailto:ktnn.imhen@mae.gov.vn)